TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU** TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 434/2025/DS-ST
Ngày 30 - 12 - 2025
V/v tranh chấp chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Trần Hoàng Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Nhật là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 371/2025/TLST- DS ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hụi*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 545/2025/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Hùng D, sinh năm 1961 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã P, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị D1 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp L, xã P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 14/10/2025, các văn bản kèm theo nguyên đơn ông Lê Hùng D trình bày:

Vào ngày 05/02/2023 âm lịch ông có tham 03 phần hụi do bà Nguyễn Thị D1 và ông Nguyễn Văn P làm chủ, dây hụi 500.000 đồng, hụi khui mỗi tháng 02 lần, dây hụi có 39 phần (tên trong danh sách hụi A út D). Đối với phần hụi thứ nhất ông đã hốt hụi và bà D1 và ông P đã chung hụi đầy đủ. Đối phần hụi thứ hai và phần hụi thứ ba, ông bỏ hụi hốt với tổng số tiền của hai phần hụi là 35.300.000 đồng, đã qua bà D1 và ông P đã trả cho ông tổng số tiền là 25.800.000 đồng. Bà D1 và ông P còn nợ lại số tiền là 9.500.000 đồng.

Ông D liên hệ yêu cầu trả tiền nhiều lần nhưng bà D1 và ông P không thực hiện và cứ hứa hẹn cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Ông D yêu cầu giải quyết

buộc bà Nguyễn Thị D1 và ông Nguyễn Văn P trả cho ông với tổng số tiền là 9.500.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị D1 và ông Nguyễn Văn P đúng quy định pháp luật. Nhưng bà Nguyễn Thị D1 và ông Nguyễn Văn P vắng mặt và không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Tranh chấp giữa ông Lê Hùng D với bà Nguyễn Thị D1 và ông Nguyễn Văn P được xác định là "Tranh chấp hụi" là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bà Nguyễn Thị D1 và ông Nguyễn Văn P có nơi cư trú tại xã P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ được quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị D1 và ông Nguyễn Văn P được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng bà Nguyễn Thị D1 và ông Nguyễn Văn P không cung cấp chứng cứ và vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị D1 và ông Nguyễn Văn P.

Ông Lê Hùng D xin vắng mặt tham gia phiên tòa. Nay căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] *Về nội dung tranh chấp*: Ông Lê Hùng D xác định vào ngày 05/02/2023 âm lịch ông D có tham 03 phần hụi do bà Nguyễn Thị D1 và ông Nguyễn Văn P làm chủ, dây hụi 500.000 đồng, hụi khui mỗi tháng 02 lần, dây hụi có 39 phần (tên trong danh sách hụi A út D). Đối với phần hụi thứ nhất ông đã hốt hụi bà D1 và ông P đã chung hụi đầy đủ. Đối phần hụi thứ hai và phần hụi thứ ba, ông D tiếp tục bỏ hụi hốt với tổng số tiền là 35.300.000 đồng, nhưng bà D1 và ông P chỉ trả cho ông D số tiền là 25.800.000 đồng. Bà D1 và ông P còn nợ lại số tiền là 9.500.000 đồng.

Tại giấy thỏa thuận ngày 12/01/2025 nội dung bà D1 và ông P thừa nhận còn nợ lại ông D số tiền 9.500.000 đồng. Ông P và bà D1 cam kết trả trong vòng 03 tháng. Bà Nguyễn Thị D1 và ông Nguyễn Văn P có tham gia giao dịch hụi với ông Lê Hùng D là thực tế xảy ra. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị D1 và ông Nguyễn Văn P không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện và chứng cứ do ông D cung cấp, bà Nguyễn Thị D1 và ông Nguyễn Văn P cũng không có yêu cầu phản tố. Do đó, bà Nguyễn Thị D1 và ông Nguyễn Văn P phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Lê Hùng D với tổng số tiền là 9.500.000 đồng là có cơ sở.

[3] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nay buộc bà Nguyễn Thị D1 và ông Nguyễn Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; nguyên đơn được miễn nộp tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 468, 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Áp dụng điểm 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Lê Hùng D. Buộc bà Nguyễn Thị D1 và ông Nguyễn Văn P trả cho ông Lê Hùng D số tiền nợ là 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Nguyễn Thị D1 và ông Nguyễn Văn P phải chịu 475.000 đồng.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

4. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Hùng D, bà Nguyễn Thị D1 và ông Nguyễn Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 3 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Ngọc Trọng